

Số: 26/NQ-HĐND

Long Thành, ngày 20 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (đợt 2)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (đợt 1);

Xét Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (đợt 2); nội dung báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thống nhất thông qua Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 07/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (đợt 2), cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục nguồn vốn	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 1)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh
1	2	3	4	5 = 4 - 3
	TỔNG	492.101	587.101	95.000
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG	82.444	82.444	-
1	Công trình chuẩn bị đầu tư	500	500	-
2	Thực hiện dự án (công trình chuyển tiếp và khởi công mới)	80.617	80.617	-

3	Vốn còn lại bố trí khởi công mới khi thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định	-	-	-
4	Cấp sau quyết toán cho các dự án hoàn thành năm 2021	1.327	1.327	-
II	NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT	73.657	73.657	-
1	Công trình chuẩn bị đầu tư	-	-	-
2	Thực hiện dự án (<i>công trình chuyển tiếp và các dự án đủ điều kiện bố trí vốn khởi công mới</i>)	73.567	73.567	-
III	NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Ngân sách huyện hưởng)	336.000	336.000	-
1	Công trình chuẩn bị đầu tư	22.040	53.530	31.490
2	Thực hiện dự án (<i>công trình chuyển tiếp công trình khởi công mới và các công trình XHH giao thông nông thôn</i>)	280.360	247.183	- 33.177
3	Dự phòng khoảng 10% để lại nộp trả ngân sách Trung ương đối với khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn	33.600	-	- 33.600
4	Bố trí vốn giải phóng mặt bằng và xây lắp cho dự án Trụ sở UBND xã Phước Bình từ 10% dự phòng	-	33.600	33.600
5	Vốn còn lại bố trí khởi công mới khi thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định	-	-	-
6	Cấp sau quyết toán cho các dự án hoàn thành	-	1.687	1.687
IV	NGUỒN THUỞNG VƯỢT THU NĂM 2021	-	95.000	95.000
1	Thực hiện dự án (<i>dự án đủ điều kiện bố trí vốn khởi công mới</i>)	-	95.000	95.000

(Đính kèm biểu tổng hợp chi tiết)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện về Hội đồng nhân dân huyện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Long Thành, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Long Thành khóa XII nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận: 

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- VP.ĐDBQH&HĐND; VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT.HU, TT.HĐND, UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UB.MTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- VP.HĐND-UBND huyện;
- Phòng VH TT (trang thông tin điện tử);
- Viện KSND, TAND, CCTHA huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thùy Linh

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 (ĐỢT 2)
ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN DO UBND CẤP HUYỆN GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH
(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				11.713.615	421.829	8.712.020	492.101	492.101	587.101	95.000	
4	NGƯỜI NGÃN SÁCH TẬP TRUNG				531.466	15.875	186.179	82.444	82.444	82.444	-	
1	Công trình chuẩn bị đầu tư				84.815	0	59.345	1.000	500	500	-	
1	Công trình trụ sở				39.926	-	33.135	500	-	-	-	
1	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tam An	C	xã Tam An	9577 12/11/2022	39.926	-	33.135	500	-	-	-	Ban QLDA huyện
2	Công trình giáo dục				44.889	-	26.210	500	500	500	-	
1	Trường Mẫu giáo An Phước	B	xã An Phước	9889 29/11/2022	44.889	-	26.210	500	500	500	-	Ban QLDA huyện
11	Thực hiện dự án				446.651	15.875	126.834	43.768	80.617	80.617	0	
(1)	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2022				78.100	15.585	69.728	36.768	37.000	20.862	(16.138)	
1.1	Công trình trụ sở				37.065	3.050	37.212	15.957	15.997	969	(15.028)	
1	Trụ sở UBND xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	3462 22/4/2021	33.763	1.095	33.910	15.000	15.000	-	(15.000)	Ban QLDA huyện
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện Long Thành, hạng mục: Cải tạo khối nhà Trung tâm Văn hóa và khối nhà hội trường 500 chỗ	C	xã An Phước	7469 23/6/2021	3.302	1.955	3.302	957	997	969	(28)	Ban QLDA huyện
1.2	Công trình giáo dục				41.035	12.535	32.516	20.811	21.003	19.893	(1.110)	
1	Trường TH Tân Hiệp (giai đoạn 3)	C	xã Tân Hiệp	2629 02/03/2021	31.612	9.035	23.193	15.657	15.657	14.777	(880)	Ban QLDA huyện
2	Trường Mầm non Bình An (phần hiệu áp Sà Cà)	C	xã Bình An	8358 31/8/2021	9.423	3.500	9.323	5.154	5.346	5.116	(230)	Ban QLDA huyện
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022				368.551	290	57.106	7.000	43.617	59.755	16.138	

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lấy kế toán đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Cơ quan đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm Ban hành	TMĐT							
I	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
2.1	Công trình hạ tầng, thoát nước				296.339	290	8.000	7.000	35.617	51.755	16.138	
1	Hệ thống thoát nước chống ngập ứng dụng liên lập 7-8 xã An Phước	C	xã An Phước	4480 21/5/2021	7.863	290	8.000	7.000	7.000	7.510	510	Ban QLDA huyện
2	Hạ tầng khu tái định cư tại xã Long Đức, huyện Long Thành	B	xã Long Đức	5799 22/6/2022	288.476				28.617	44.245	15.628	Ban QLDA huyện
2.2	Công trình giáo dục				72.212	-	49.106	-	8.000	8.000	-	
1	Trường Tiểu học Long Thành C	B	xã Long Đức	8143 30/8/2022	72.212	-	49.106		8.000	8.000	-	Ban QLDA huyện
III	Vườn còn lại bỏ trống không công mới khi thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định							37.676			-	
IV	Cấp sau quyết toán cho các dự án hoàn thành năm 2021								1.327	1.327	-	
I	Sửa chữa, cải tạo các trường Tiểu học trên địa bàn huyện năm 2021	C	huyện Long Thành						491	491	-	Phòng Giáo dục
2	Sửa chữa, cải tạo các trường THCS trên địa bàn huyện năm 2021	C	huyện Long Thành						836	836	-	Phòng Giáo dục
B	NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT				221.238	14.552	199.040	73.657	73.657	73.657	-	
I	Công trình chuẩn bị đầu tư				71.212	-	49.106	500	-	-	-	
1	Trường Tiểu học Long Thành C	B	xã Long Đức	8143 30/8/2022	71.212	-	49.106	500	-	-	-	Ban QLDA huyện
II	Thực hiện dự án				150.026	14.552	149.934	73.157	73.657	73.657	0	
(I)	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2022				150.026	14.552	100.828	63.492	62.526	62.294	(232)	
1	Trường Mầm non Long Đức (giai đoạn 3)	C	xã Long Đức	8394 19/8/2021	14.803	6.507	14.803	7.292	7.858	7.718	(140)	Ban QLDA huyện
2	Trường Tiểu học Long Đức (phần hiệu khu 15)	C	xã Long Đức	7470 23/06/2021	4.405	2.148	4.405	2.071	1.801	1.921	120	Ban QLDA huyện
3	Trường Mầm non Thanh Nghĩa	C	xã An Phước	6542 30/10/2020	14.994	5.522	14.994	9.462	8.200	8.200	-	Ban QLDA huyện
4	Trường THCS Phước Thái	B	xã Phước Thái	3806 30/10/2019	78.000		28.799	8.732	8.732	7.900	(832)	Ban QLDA huyện
5	Trường THCS Long Đức (giai đoạn 2)	C	xã Long Đức	8556 31/8/2021	37.824	375	37.827	35.935	35.935	36.555	620	Ban QLDA huyện

TT	Danh mục dự án	Năm Dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HBND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 2)	Tăng, giảm số điều chỉnh	Chủ Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
(2)	Dự án đủ điều kiện bố trí vốn năm 2022					-	49.106		11.131	11.363	232	
1	Trường Tiểu học Long Thành C	B	xã Long Đức	8143 30/8/2022	71.219	-	49.106		11.131	11.363	232	Ban QLDA huyện
(3)	Vốn còn lại bố trí khởi công mới khi các công trình thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định							9.665	-	-	-	
C	NGƯỜI THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				10.708.777	391.402	8.140.116	336.000	336.000	336.000	0	
1	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (lập hồ sơ)				9.268.935	-	7.351.008	26.960	22.040	53.530	31.490	
a	Công trình Giao thông, hạ tầng				8.398.368	-	6.849.360	22.100	18.100	48.230	30.130	
1	Nâng cấp mở rộng đường Lê Duẩn (Quốc lộ 51A), huyện Long Thành	B	TT. Long Thành	571 08/02/2021	1.025.670		878.000	1.000	1.000	11.498	10.498	UBND huyện (Ban QLDA huyện quản lý dự án)
2	Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT 771 huyện Long Thành	B	TT. Long Thành		1.351.000		1.352.000	3.000	3.000	1.000	(2.000)	Ban QLDA huyện
3	Đường Nguyễn Du	B	TT. Long Thành		1.200.000		120.000	3.000	1.000	-	(1.000)	Ban QLDA huyện
4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	B	TT. Long Thành		800.000		800.000	2.000	1.000	-	(1.000)	Ban QLDA huyện
5	Đường Long Phước - Phước Thái	B	xã Long Phước- Phước Thái		1.466.000		1.466.000	3.000	3.000	-	(3.000)	Ban QLDA huyện
6	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ Vò Thị Sáu đến Vò Hồng Phò)	B	TT. Long Thành		95.000		58.204	3.000	3.000	1.231	(1.769)	Ban QLDA huyện
7	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Hai Bà Trưng đến Chợ Long Thành)	C	TT. Long Thành		45.000		110.000	1.000	1.000	500	(500)	Ban QLDA huyện
8	Đường Chu Văn An ra Phum Văn Đông và đoạn từ TT VH TT huyện ra bèm 224 xã An Phước	B	TT. Long Thành		85.000		32.756	2.000	2.000	-	(2.000)	Ban QLDA huyện
9	Công viên Phước Hải Thị trấn Long Thành (khu đất Yamaha cũ)	C	TT. Long Thành		7.500		5.000	100	100	-	(100)	UBND TT. Long Thành
10	Xây dựng công trường và chỉnh trang 02 khu hoa viên Mũi Tàu Nam và Mũi Tàu Bắc đường Lê Duẩn	C	TT. Long Thành		20.000		20.000	1.000	1.000	-	(1.000)	Ban QLDA huyện
11	Hà tăng khu tái định cư tại xã Long Phước, huyện Long Thành	B	xã Long Phước	9177 17/10/2022	364.722		184.000	1.000	1.000	34.001	33.001	Ban QLDA huyện

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
12	Hà tầng khu tái định cư 47ha thị trấn Long Thành	B	xã Long Đức	5799 22/6/2022	288.476		173.400	1.000	-	-	-	Ban QLDA huyện
13	Hà tầng khu tái định cư 47ha thị trấn Long Thành	B	TT Long Thành		1.650.000		1.650.000	1.000	1.000	-	(1.000)	Ban QLDA huyện
b	Công trình Văn hoá - trụ sở				239.580	-	164.736	2.260	1.540	500	(1.040)	
1	XD Nhà Văn hoá ấp Hiên Hòa xã Phước Thái	C	xã Phước Thái		2.000		2.000	30	30		(30)	UBND xã Phước Thái
2	Sửa chữa các nhà văn hóa ấp Long Phú, ấp 1A, 1B, 1C xã Phước Thái	C	xã Phước Thái		2.000		2.000	30	30		(30)	UBND xã Phước Thái
3	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã Long Phước	C	xã Long Phước	30/6/2022	862		1.200	30			-	UBND xã Long Phước
4	Sửa chữa các nhà văn hóa khu, thị trấn Long Thành	C	TT Long Thành		7.500		5.000	30	30	-	(30)	UBND TT Long Thành
5	Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Long An	C	xã Long An	4631 23/5/2022	836		836	30			-	UBND xã Long An
6	Sửa chữa Trung tâm văn hóa và Học tập cộng đồng xã Long Đức	C	xã Long Đức		1.200		1.200	30			-	UBND xã Long Đức
7	Sửa chữa Nhà văn hóa khu 12, khu 13, khu 14, khu 15 xã Long Đức	C	xã Long Đức		1.500		1.000	30			-	UBND xã Long Đức
8	Cải tạo sửa chữa TT.VH xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		1.500		1.500	50	50	-	(50)	UBND xã Phước Bình
9	Xây dựng nhà văn hoá ấp 5 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		2.500		2.500	50	50	-	(50)	UBND xã Phước Bình
10	Xây dựng nhà văn hoá ấp 6 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		2.500		2.500	50	50	-	(50)	UBND xã Phước Bình
11	Theo trường huấn luyện Lực lượng vũ trang huyện Long Thành, xã Tân Hiệp (giai đoạn 2)	C	xã Tân Hiệp		14.000		14.000	100	100	-	(100)	Ban Chỉ Huy QS huyện
12	Trụ Sở Công An xã Lộc An	C	xã Lộc An		6.500		6.500	100	100	-	(100)	Ban QLDA huyện
13	Trụ Sở Công An huyện Long Thành (gq12)	C	TT Long Thành		120.000		50.000	500	500	-	(500)	Ban QLDA huyện
14	Sở chỉ huy thời chiến huyện Long Thành	C	xã Long Đức		39.100	-	40.000	500	500	500	-	Ban QLDA huyện

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 (theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chú Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
15	Tru sở Ủy ban nhân dân xã Cẩm Dương	C	xã Cẩm Dương	3729 05/5/2022	33.337	-	30.000	500	-	-	-	Ban QLDA huyện
16	XD Nhà Văn hoá ấp 5 xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		3.000		2.500	100	100	-	(100)	UBND xã Tân Hiệp
17	Sửa chữa các nhà văn hóa ấp Bưng Cú, ấp Thanh Bình, ấp Hàng Gòn, ấp Bình Lâm xã Lộc An	C	xã Lộc An	4892 02/6/2022	1.245		2.000	100			-	UBND xã Lộc An
c	Công trình xã hội, khác				16.000	-	16.000	400	-	-	-	
1	Điện trung chuyển rạc khu 15 xã Long Đức	C	xã Long Đức		8.000		8.000	200			-	P. Tài nguyên & Môi trường
2	Điện trung chuyển rạc xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn		8.000		8.000	200			-	P. Tài nguyên & Môi trường
d	Công trình giáo dục				614.987	-	320.912	2.200	2.400	4.800	2.400	
1	Trường THCS An Phước (mở rộng)	C	xã An Phước	88 10/01/2022	25.200	-	25.200	200	200	350	150	Ban QLDA huyện
2	Trường Tiểu học Thái Thiện	B	xã Phước Thái	9177 17/10/2022	95.740		48.860	200	200	800	600	Ban QLDA huyện
3	Trường Mẫu giáo Cẩm Dương (Mở rộng)	C	xã Cẩm Dương		43.556	-	22.543	300	300	-	(300)	Ban QLDA huyện
4	Trường Tiểu học Long Phước	C	xã Long Phước		15.000		100	100	100	-	(100)	Ban QLDA huyện
5	Trường MN Tân Thành xã Bàu Cạn	B	xã Bàu Cạn		45.000	-	22.290	200	200	-	(200)	Ban QLDA huyện
6	Trường MN Thái Hiệp Thành	C	xã Bàu Cạn		29.000	-	22.290	200	200	-	(200)	Ban QLDA huyện
7	Trường TH Long Thành B	B	TT. Long Thành		45.000	-	21.000	200	200	-	(200)	Ban QLDA huyện
8	Trường Tiểu học Thái Hiệp Thành	C	xã Bàu Cạn	9177 17/10/2022	74.601	-	35.000	200	200	850	650	Ban QLDA huyện
9	Trường Tiểu học Tam Thuận	B	xã Phước Thái	158 14/01/2022	85.814	-	52.629	200	200	800	600	Ban QLDA huyện
10	Trường Tiểu học Tân Thành xã Bàu Cạn	B	xã Bàu Cạn		70.000	-	36.000	200	200	-	(200)	Ban QLDA huyện
11	Trường THCS Tân Thành xã Bàu Cạn	B	xã Bàu Cạn		80.000	-	35.000	200	200	-	(200)	Ban QLDA huyện
12	Trường Tiểu học Tập Phước (xây dựng 05 phòng học)	C	xã Long Phước	9442 07/11/2022	4.376	-			100	2.000	1.900	Phòng Giáo Dục
13	Xây mới hội trường Trường Mầm non Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		1.700	-			100	-	(100)	Phòng Giáo Dục
11	Thực hiện dự án				1.439.842	391.402	789.128	189.080	280.360	247.183	(33.177)	

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã thành toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dự 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dự 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
(1)	Các dự án chuyển tiếp				793.187	390.974	530.365	153.624	174.111	157.111	(17.000)	
(1.1)	Công trình giáo dục				137.238	77.702	80.518	25.884	25.968	25.460	(508)	
1	Trường TH Phước Bình	B	xã Phước Bình	3350 30/9/2020	71.161	42.510	38.727	14.500	12.438	11.980	(458)	Ban QLDA huyện
2	Trường MĩN Phước Bình	B	xã Phước Bình	3351 30/9/2019	58.984	31.392	34.698	8.312	10.857,5	10.790	(67,5)	Ban QLDA huyện
3	Trường THCS An Phước (xây dựng 06 phòng học)	C	xã An Phước	7468 23/06/2021	7.093	3.800	7.093	3.073	2.672,5	2.690	17,5	Ban QLDA huyện
(1.2)	Công trình hạ tầng giao thông điện				588.562	300.088	389.838	116.160	136.591	112.236	(24.355)	
1	Nâng cấp hạ tầng khu TT hành chính huyện Long Thành	B	TT Long Thành	922 16/04/2007	314.752	182.926	198.654	64.338	64.338	64.338	-	Ban QLDA huyện
3	Đường Nguyễn Văn Cừ, thị trấn Long Thành	B	TT Long Thành	3811 31/10/2020	244.000	109.553	161.219	31.726	51.726	39.726	(12.000)	Ban QLDA huyện
4	Đường song hành Quốc lộ 51	C	xã An Phước	7509 23/06/2021	7.852	3.720	7.853	3.277	3.708	3.353	(355)	Ban QLDA huyện
5	Đường vào khu Logistics Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	7511 23/06/2021	12.965		12.965	12.000	12.000	-	(12.000)	Ban QLDA huyện
6	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường Bàu Cạn (đoạn từ cầu Bàu Cạn đến hồ Cầu mới)	C	xã Bàu Cạn	123 15/01/2021	7.245	3.125	7.339	3.883	3.883	3.883	-	Phòng QLĐT
7	Hệ thống chiếu sáng xã Phước Bình (Đoạn từ nhà VH ấp 6 đến khu dân tộc Chơơ)	C	xã Phước Bình	124 15/01/2021	1.768	764	1.768	936	936	936	-	Phòng QLĐT
(1.3)	Công trình Trụ Sở				67.387	13.184	59.989	11.580	11.552	19.415	7.863	
1	Trụ sở Đài truyền thanh huyện Long Thành	C	TT Long Thành	8148 17/12/2020	14.014	5.300	14.014	7.736	7.411	7.361	(50)	Ban QLDA huyện
2	Trụ sở UBND xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	4446 21/8/2021	41.308	1.095	33.910	-	-	7.708	7.708	Ban QLDA huyện
2	Trụ sở trung đội dân quân thường trực KCN Lộc An - Bình Sơn	C	xã Lộc An	7557 05/07/2021	5.854	3.168	5.854	1.625	2.320	2.284	(36)	Ban QLDA huyện
3	Sửa chữa nhà tạm giam (Công an huyện Long Thành)	C	xã Lộc An	7684 13/7/2021	3.715	1.661	3.715	1.683	1.285	1.526	241	Ban QLDA huyện
4	Cải tạo, Sửa chữa các nhà VH ấp 1, ấp 2, ấp 4, ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8, ấp Suối Cà, xã Bàu Cạn	C	xã Bàu Cạn	7558 05/7/2021	2.496	1.960	2.496	536	536	536	-	UBND xã Bàu Cạn
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022				501.456	428	204.162	28.543	88.004	76.846	(11.158)	

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo điều chỉnh, bổ sung (dự 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo điều chỉnh, bổ sung (dự 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
(2.1)	Công trình hạ tầng giao thông khu tái định cư. hệ thống thoát nước, quy hoạch...				384.396	428	96.920	14.000	45.830	37.270	(8.560)	
1	Dường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Võ Hồng Phê)	B3	TT. Long Thành	108/12/16/11/2021	78.355	-	79.355	1.000	11.186	567	(10.619)	Ban QLDA huyện
2	Đường nội bộ khu dân tộc Chơ Rô	C	xã Phước Bình	448/21/5/2021	14.264	428	14.264	13.000	13.000	12.130	(870)	Ban QLDA huyện
3	Hà tầng khu tái định cư tại xã Long Đức, huyện Long Thành	B3	xã Long Đức	5799/22/6/2022	288.476				18.343	23.555	5.212	Ban QLDA huyện
4	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Tái định cư thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai		TT. Long Thành	623/11/3/2022 UBND tỉnh	1.018		1.018		1.018	1.018	-	Ban QLDA huyện
4	Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu Tái định cư Tân Hiệp (giai đoạn 2)		xã Tân Hiệp		1.043		1.043		1.043		(1.043)	Phòng QLĐT
5	Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu Tái định cư Long Đức (giai đoạn 2)		xã Long Đức		1.240		1.240		1.240		(1.240)	Phòng QLĐT
(2.2)	Công trình Trụ Sở, văn hoá				117.060	-	107.242	14.543	42.174	39.576	(2.598)	
1	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Cẩm Dương	C	xã Cẩm Dương	9578/15/11/2022	38.917	-	30.000		10.000	9.500	(500)	Ban QLDA huyện
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân An	C	xã Tân An	9577/15/11/2022	39.927	-	33.135		10.000	9.500	(500)	Ban QLDA huyện
3	Trụ sở 1 của huyện Long Thành	C	TT. Long Thành	7463/23/6/2021	25.613	-	29.875	10.000	10.000	10.000	-	Ban QLDA huyện
4	Cải tạo, Sửa chữa các nhà VH ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 7 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	7834/19/7/2021	993		1.214	993	993	993	-	UBND xã Phước Bình
5	Cải tạo sửa chữa nhà văn hoá ấp 1, ấp 3, 4, 5 xã Tân Hiệp.	C	xã Tân Hiệp	1719/07/3/2022	2.168		1.500	1.500	1.839	1.839	-	UBND xã Tân Hiệp
6	Sửa chữa nhà VH ấp 1, ấp Cẩm Dương, ấp Suối Quýt, xã Cẩm Dương.	C	xã Cẩm Dương	8508/27/8/2021	950		2.000	950	950	950	-	UBND xã Cẩm Dương
7	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã Phước Thái	C	xã Phước Thái	11848/29/11/2021	1.100		1.500	1.100	1.100	1.100	-	UBND xã Phước Thái
8	Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Long An	C	xã Long An	4631/23/5/2022	836		1.200		836	836	-	UBND xã Long An
9	Sửa chữa nhà văn hoá dân tộc Chơ rô xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	8960/03/11/02/2022	998		1.000		898	667	(231)	UBND xã Phước Bình

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chú Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
10	Sửa chữa các nhà văn hóa ấp Bưng Cỏ, ấp Thanh Bình, ấp Hàng Gòn, ấp Bình Lâm xã Lộc An	C	xã Lộc An	9695 18/11/2022	1.245		1.245		1.245	997	(248)	UBND xã Lộc An
11	Sửa chữa Trung tâm văn hóa và Học tập cộng đồng xã Long Đức	C	xã Long Đức	1042 22/02/2022	749		749		749	749	-	UBND xã Long Đức
12	Sửa chữa Nhà văn hóa khu 12, khu 13, khu 14, khu 15 xã Long Đức	C	xã Long Đức	9130 13/10/2022	998		998		998	862	(136)	UBND xã Long Đức
13	Sửa chữa các nhà văn hóa ấp Long Phú, ấp LA, IB, IC xã Phước Thái	C	xã Phước Thái	9696 18/11/2022	1.704		2.000		1.704	906	(798)	UBND xã Phước Thái
14	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã Long Phước	C	xã Long Phước	9559 14/11/2022	862		826		862	677	(185)	UBND xã Long Phước
(3)	Công trình xã hội hóa giao thông nông thôn				145.199	0	54.601	6.913	18.245	13.226	-5.019	
3.1	UBND XÃ TÂN HIỆP CHỦ ĐẦU TƯ				19.597	-	4.223	1.240	1.240	1.360	120	
1	Đường liên ấp 4 (hẻm 331 Đường Tân Hiệp, hẻm 55 đường số 1) xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	8750 19/9/2022	1.532		621	614	614	602	(12)	UBND xã Tân Hiệp
2	Hẻm 15 đường Khu Quê Ngải xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	8751 19/9/2022	1.314		532	526	526	519	(7)	UBND xã Tân Hiệp
3	Đường khu Lăng Dẻ xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp	9820 23/11/2022	6.993		1.870	50	50	239	189	UBND xã Tân Hiệp
4	Nâng cấp hẻm 330 đường Tân Hiệp xã Tân Hiệp	C	xã Tân Hiệp		9.752		1.200	50	50		(50)	UBND xã Tân Hiệp
3.2	UBND XÃ LONG PHƯỚC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				14.759	-	6.695	350	350	151	(199)	
1	Hẻm 83 thương lộ 12 xã Long Phước	C	xã Long Phước	5932 30/6/2022	1.697		780	50	50		(50)	UBND xã Long Phước
2	Hẻm 2570 QL51 đoạn từ Km0+580 đến Km1+210 xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.878		760	50	50		(50)	UBND xã Long Phước
3	Đường nối từ hẻm 157 đến hẻm 157/4 đường Bàu Cạn xã Long Phước	C	xã Long Phước		737		330	50	50		(50)	UBND xã Long Phước
4	Hẻm 33 đường Khu 2 xã Long Phước	C	xã Long Phước	5930 30/6/2022	1.117		396	50	50	32	(18)	UBND xã Long Phước
5	Hẻm 65 đường Bàu Cạn đoạn từ Km0+910 đến Km1+280 xã Long Phước	C	xã Long Phước		1.588		635	50	50		(50)	UBND xã Long Phước
6	Hẻm 2626 Quốc lộ 51 xã Long Phước	C	xã Long Phước	5931 30/6/2022	3.901		2.043	50	50		(50)	UBND xã Long Phước

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chú Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	T/MĐT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
7	Hẻm 2+36 Quốc lộ 51, xã Long Phước	C	xã Long Phước	9904/29/11/2022	3.841		1.751	50	50	119	69	UBND xã Long Phước
3,3	UBND XÃ LỘC AN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				15.544	-	5.842	280	7.171	5.908	(1.263)	
1	Sửa chữa Đường Bình Lâm-Thanh Bình	C	xã Lộc An	9018/06/10/2022	1.715		609	50	774	668	(106)	UBND xã Lộc An
2	Sửa chữa Đường Bung Cơ xã Lộc An	C	xã Lộc An	9019/06/10/2022	3.212		1.197	50	1.496	1.263	(233)	UBND xã Lộc An
3	Sửa chữa Đường Bình Lâm - Bung Cơ xã Lộc An	C	xã Lộc An	9017/06/10/2022	2.161		767	50	976	843	(133)	UBND xã Lộc An
4	Sửa chữa Đường Thanh Bình xã Lộc An	C	xã Lộc An	9021/06/10/2022	2.274		807	50	1.027	883	(144)	UBND xã Lộc An
5	Sửa chữa Đường Thanh Bình 1	C	xã Lộc An	9020/06/10/2022	3.579		1.262	50	1.616	1.358	(258)	UBND xã Lộc An
1	Đường Cầu Xe - Thanh Bình (đoạn 2)	C	xã Lộc An	9016/06/10/2022	2.603		1.200	30	1.281	893	(388)	UBND xã Lộc An
3,4	UBND XÃ BÀU CÀN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				15.470	-	7.175	3.333	3.333	2.214	(1.119)	
1	Hẻm 770 Đường Bàu Càn	C	xã Bàu Càn		3.400		1.360	50	50		(50)	UBND xã Bàu Càn
2	Hẻm 447 Đường Bàu Càn	C	xã Bàu Càn		2.400		1.197	50	50		(50)	UBND xã Bàu Càn
3	Hẻm 712 Đường Bàu Càn	C	xã Bàu Càn		3.400		1.360	50	50		(50)	UBND xã Bàu Càn
4	Hẻm 126 Đường Bàu Càn - Tân Hiệp	C	xã Bàu Càn	9045/07/10/2021	1.429		703	703	703	535	(168)	UBND xã Bàu Càn
5	Hẻm 130 Đường Bàu Càn - Tân Hiệp	C	xã Bàu Càn	9029/07/10/2021	1.196		731	731	731	429	(302)	UBND xã Bàu Càn
6	Hẻm 138 Đường Bàu Càn - Tân Hiệp	C	xã Bàu Càn	9044/07/10/2021	1.480		750	750	750	531	(219)	UBND xã Bàu Càn
7	Hẻm 540 đường Bàu Càn, xã Bàu Càn	C	xã Bàu Càn	9043/07/10/2021	1.835		844	844	844	719	(125)	UBND xã Bàu Càn
8	Đường điện hạ thế tổ 3, ấp 8 xã Bàu Càn	C	xã Bàu Càn	121/15/01/2021	230		230	155	155		(155)	UBND xã Bàu Càn
3,5	UBND XÃ CẨM DƯƠNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				6.239	-	4.714	500	500	-	(500)	
1	Nâng cấp đường Suối Đục Hương lộ 10	C	xã Cẩm Dương		500		500	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chú Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
2	Nâng cấp mới đường tô 10 ấp Suối Quýt	C	xã Cẩm Dương		500		500	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương
3	Xây dựng mới hẻm tô 7, ấp Cẩm Dương (mỏ đường Suối Đục)	C	xã Cẩm Dương		1.500		1.070	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương
4	Đường hẻm tô 7, ấp Cẩm Dương	C	xã Cẩm Dương		1.120		600	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương
5	Đường điện hạ thế đường vận chuyển nông sản ấp 1, xã Cẩm Dương	C	xã Cẩm Dương		850		850	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương
6	Đường điện hạ thế hẻm tô 7, ấp Cẩm Dương	C	xã Cẩm Dương		390		50	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương
7	Đường điện hạ thế hẻm 68 ấp Suối Quýt xã Cẩm Dương	C	xã Cẩm Dương		285		50	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương
8	Đường điện hạ thế hẻm 563 Hương lộ 10, xã Cẩm Dương	C	xã Cẩm Dương		354		354	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương
9	Đường điện hạ thế Hẻm 525 ấp 1 xã Cẩm Dương	C	xã Cẩm Dương		460		460	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương
10	Đường điện hẻm 471 ấp 1 xã Cẩm Dương	C	xã Cẩm Dương		280		280	50	50		(50)	UBND xã Cẩm Dương
3.6	UBND XÃ BÌNH AN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				12.855	-	10.164	200	903	571	(332)	
1	Hẻm 21 Đường Cầu Mên, xã Bình An	C	xã Bình An	9379 31/10/2022	1.347		753	50	753	571	(182)	UBND xã Bình An
2	Đường nội đồng kênh sa cá xã Bình An		xã Bình An		3.028		1.211	50	50		(50)	UBND xã Bình An
3	Đường Sa Cà		xã Bình An		6.280		6.000	50	50		(50)	UBND xã Bình An
4	Mương thoát nước ấp An Viễn, xã Bình An		xã Bình An		2.200		2.200	50	50		(50)	UBND xã Bình An
3.7	UBND XÃ PHƯỚC BÌNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				23.878	-	4.511	300	3.807	2.522	(1.285)	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường hẻm 2937 ấp 2-3 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		4.632		495	30	-		-	UBND xã Phước Bình
2	Nâng cấp, sửa chữa đường hẻm 2937 ấp 2, xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	8732 19/9/2022	3.516		789	30	1.354	1.276	(78)	UBND xã Phước Bình
3	Nâng cấp, sửa chữa đường hẻm 702 ấp 7 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		1.519		437	30	30	-	(30)	UBND xã Phước Bình

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (dợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
4	Hầm 305 đường vành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	8748 19/9/2022	3.449		1.440	30	30	-	(30)	UBND xã Phước Bình
5	Hầm 259 đường vành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	8611 12/9/2022	1.111		150	30	30	-	(30)	UBND xã Phước Bình
6	Nâng cấp, sửa chữa đường hầm 2989, xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	8753 19/9/2022	2.820		50	30	1.274	1.156	(118)	UBND xã Phước Bình
7	Đường hầm 164 (liền ấp 1-2) xã ấp 1 Phước Bình	C	xã Phước Bình		2.800		50	30	30		(30)	UBND xã Phước Bình
8	Đường hầm 145 (cổng áp van hoa) tổ 3+4 ấp 3 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình		1.000		50	30	-		-	UBND xã Phước Bình
9	Hầm 5 đường liên ấp 1-3 xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	9903 29/11/2022	1.531		50	30	1.059	90	(969)	UBND xã Phước Bình
10	Sửa chữa nhà văn hóa dân tộc Choro	C	xã Phước Bình		1.500		1.000	30	-		-	UBND xã Phước Bình
3.8	UBND XÃ LONG ĐỨC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				5.490	-	2.657	250	481	351	(130)	
1	Hầm 49 Đường Bù đề - Long Đức	C	xã Long Đức	8395 06/9/2022	917		426	50	481	351	(130)	UBND xã Long Đức
2	Hầm 41 Đường Lộc An - Dới 3	C	xã Long Đức		3.500		1.158	50	-		-	UBND xã Long Đức
3	Hầm 109 Đường Long Đức - Long An	C	xã Long Đức		462		462	50	-		-	UBND xã Long Đức
4	Hầm 113 Đường Long Đức - Long An	C	xã Long Đức		226		226	50	-		-	UBND xã Long Đức
5	Nâng cấp hầm 64 đường Võ Thị Sáu	C	xã Long Đức		385		385	50	-		-	UBND xã Long Đức
3.9	UBND XÃ PHƯỚC THÁI LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				10.727	-	100	60	60	149	89	
4	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Bé	C	xã Phước Thái		6.630		50	30	30		(30)	UBND xã Phước Thái
5	Mở rộng đường Mai Văn Quái, xã Phước Thái	C	xã Phước Thái	9841 24/11/2022	4.097		50	30	30	149	119	UBND xã Phước Thái
3.10	UBND XÃ TAM AN				10.596	-	4.730	250	250	-	(250)	
1	Nâng cấp đường liên ấp 4-5 xã Tam An	C	xã Tam An		3.750		1.500	50	50		(50)	UBND xã Tam An

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chủ Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
2	Hẻm 894 ấp 5 xã Tam An	C	xã Tam An		1.200		480	50	50		(50)	UBND xã Tam An
3	Mương thoát nước hẻm 588, xã Tam An	C	xã Tam An	9967 02/12/2022	1.021		900	50	50		(50)	UBND xã Tam An
4	Mương thoát nước hẻm 590, xã Tam An	C	xã Tam An	9966 02/12/2022	2.250		900	50	50		(50)	UBND xã Tam An
5	Hẻm 868 ấp 4 xã Tam An	C	xã Tam An		2.375		950	50	50		(50)	UBND xã Tam An
3.11	UBND XÃ LONG AN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				2.500	-	50	50	50	-	(50)	
1	Dường hẻm 135 đường Bung Mòn	C	xã Long An		2.500		50	50	50		(50)	UBND xã Long An
3.12	UBND XÃ AN PHƯỚC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ				7.650	-	3.740	100	100	-	(100)	
1	Dường Hẻm 268 đường DT. Chải thái rần	C	ấp 7-8 xã An Phước	87 10/01/2022	3.900		1.634	30	30		(30)	UBND xã An Phước
2	Dường Hẻm 17 đường ấp 7-8	C	xã An Phước		3.000		1.356	30	30		(30)	UBND xã An Phước
3	Dường Hẻm 937 và đường Hẻm 937/39 QL51	C	xã An Phước		750		750	40	40		(40)	UBND xã An Phước
III	Dự phòng khoảng 10% để lại nộp trả ngân sách Trung ương đối với khu tái định cư Lộc - An Bình Sơn.							33.600	33.600		(33.600)	
IV	Bổ trứn giải phóng mặt bằng và xây lắp cho dự án: Trụ sở UBND xã Phước Bình từ 10% dự phng									33.600	33.600	
I	Trụ sở UBND xã Phước Bình	C	xã Phước Bình	4446 21/8/2021	41.308	1.095	33.910			33.600	33.600	
V	Vốn sử dụng đất còn lại bỏ trứ khi trứ công mới khi các công trình thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định							86.360			-	
VI	Chấp ssm quyết toán cho các dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán											
I	Nâng cấp đường nội đồng kênh A	C		8612 12/9/2022						62	62	
2	Bia liệt sĩ 05 xã	C		8783 22/9/2022						32	32	
3	Đền thờ liệt sĩ xã Tam An	C		9174 17/10/2022						56	56	

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự Án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 1)	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)	Tăng, giảm sau điều chỉnh	Chú Đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12
4	Nâng cấp đường Long Đức - Long An	C		5889 28/6/2022						63	63	
5	Nâng cấp đường vào cầu Ruby xã An Phước	C		5276 08/6/2022						20	20	
6	Kho lưu trữ Huyện uỷ Long Thành	C		3092 08/6/2022						27	27	
7	Hẻm 109 đường khu khai thác đá 3	C		4224 19/5/2022						33	33	
8	Trường Mầm non Hoa Mai	C		4834 31/5/2022						62	62	
9	Trường Mầm non Bình Sơn	C		9356 11/11/2022						1.302	1.302	
10	Đường Bàu Giao	C		7338 03/8/2022						30	30	
D	NGƯỜI THUỐC PHƯỢT THU NĂM 2021				252.134		186.665		-	95.000	95.000	
1	Công trình chuẩn bị đầu tư											
11	Thực hiện dự án				252.134		186.665		-	95.000	95.000	
(1)	Dự án đầu tư kiến tạo bờ biển năm 2022				252.134		186.665		-	95.000	95.000	
1.1	Công trình giáo dục				71.213		49.106		-	45.235	45.235	
1	Trường Tiểu học Long Thành C	C	xã Long Đức	8143 30/8/2022	71.213		49.106		-	45.235	45.235	
2.1	Công trình hạ tầng, giao thông				180.921	-	137.559		-	49.765	49.765	
1	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Võ Hồng Phò)	C	xã Long Đức	7919 22/8/2022	104.675		58.204		-	3.090	3.090	
2	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Võ Hồng Phò)	C	xã Long Đức	6570 02/11/2022	76.246		79.355		-	46.765	46.765	

